CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 12 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						***382 977***	***140 011***	***242 966***			
I	**CẢNG CHÍNH**							**106 503**	**11 306**	**95 197**			
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***6 143***	***6 037***	***106***			
1		ĐẠM NINH BÌNH	10/8	510/8		NB 8519	CÁM 4A.1	3 005	2 920	85	11/8	HỘ LỚN	
2		KDT HẢI PHÒNG	8/8	2011/8	18/8	BN 2618	CÁM 5A.1	1 688	1 682	6	11/8	PTCB	
3		KDT HẢI PHÒNG	11/8	2025/8	21/8	HP 5902	CÁM 5A.1	1 450	1 435	15	11/8	PTCB	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***20 500***	***5 269***	***15 231***			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI	31/7	487B/7		QUANG VINH DIAMOND	CÁM 6A.14	20 500	5 269	15 231	RÓT DỞ	HỘ LỚN	TTCO: 20.500 Thay TBRT Số 487/7
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***79 860***		***79 860***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	13/7	455B/7		VIỆT THUẬN 26-01	CÁM 6A.1	25 600		25 600		HỘ LỚN	Thay TBRT số 455/7 TTCO: 25.600
2		ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ	28/7	484/7		VIỆT THUẬN 235-01	CÁM 5A.10	23 000		23 000		HỘ LỚN	TTCO: 23.000
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	10/8	511/8		HẢI NAM 88	CÁM 6A.1	23 050		23 050		HỘ LỚN	TTCO: 23.050
4		SX & TM THAN UÔNG BÍ	6/8	1989/8	13/8	BN 2196	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
5		DVVT QUẢNG NINH	6/8	1995/8	13/8	BN 2615	CỤC XÔ 1C	1 300		1 300		TD	
6		MẶT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	7/8	2002/8	14/8	NB 8530	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	
7		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	10/8	2018/8	17/8	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 160		1 160		TD	
8		VT & KDT	10/8	2019/8	17/8	NB 8707	CỤC XÔ 1C	1 200		1 200		TD	
9		ĐTTM & DỊCH VỤ	10/8	2020/8	17/8	BN 2519	CỤC XÔ 1C	1 150		1 150		TD	
10		TRƯỜNG ANH 888	11/8	2028/8	18/8	BN 1883	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
	Tàu chuyển tải							**173 640**	**87 072**	**86 568**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***144 990***	***87 072***	***57 918***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	15/7	463/7		PACIFIC 01	CÁM 6A.1	27 690	24 700	2 990	DỞ	HỘ LỚN	TTHG: 22.500 - KVCP: 5.690
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	5/8	504/8		QUANG VINH 188	CÁM 6A.1	22 800	12 580	10 220	DỞ	HỘ LỚN	TTHG: 18.000 - KVCP: 4.800
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	7/8	507/8		VIỆT THUẬN OCEAN	CÁM 6A.1	46 500	20 500	26 000	DỞ	HỘ LỚN	TTHG: 41.000 - KVCP: 5.500

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 12 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
4		ĐIỆN VĨNH TÂN	9/8	509/8		VIỆT THUẬN 215-06	CÁM 6A.14	20 700	2 090	18 610	DỞ	HỘ LỚN	XNKT: 10.000 KVCP: 4.700 KDTCP: 6.000
5		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	3/8	500/8		HẢI NAM 79	CÁM 6A.1	27 300	27 202	98	DỞ	HỘ LỚN	TTCO: Trong cầu: 25.251,57 Chuyển tải:
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***28 650***		***28 650***			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	11/8	512/8		HẢI NAM 39	CÁM 6A.1	28 650		28 650		HỘ LỚN	TTHG: 23.000 KVCP: 5.650
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**37 099**	**6 689**	**30 410**			
	Tàu đã làm hàng							***5 606***	***5 545***	***61***			
1		CP XNK THAN	10/8	2021/8	20/8	QN 7816	CÁM 7C	1 666	1 641	25	11/8	PTCB	NGUỒN ĐN-CS
2		THAN MIỀN TRUNG	11/8	1963/8	18/8	PHÚC THỊNH 18	CỤC XÔ 1B	940	924	16	11/8	TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 1
							CÁM 8A	1 000	985	15		TD	
3		DVVT QUẢNG NINH	10/8	1913/7	17/8	VIỆT TRUNG 69	CÁM 8A	2 000	1 994	6	11/8	TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 2
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***3 836***	***1 144***	***2 692***			
1		KDT MIỀN BẮC	11/8	2024/8	21/8	HP 6559	CÁM 7C	1 636	1 144	492	RỚT DỞ	PTCB	NGUỒN ĐN-CS
2		CP XNK THAN	8/8	2004/8	15/8	TB 2266	CỤC XÔ 1B	1 100		1 100		TD	
3		KDT CẦU ĐƯỜNG	11/8	2026/8	18/8	HN 2187	CỤC XÔ 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN TN
	Tàu đã làm lệnh							***27 657***		***27 657***			
1		KDT BẮC TRUNG BỘ	11/8	2031/8	21/8	NB 8902	CÁM 7B	2 380		2 380		PTCB	NGUỒN ĐN-CS
2		KDT HẢI PHÒNG	10/8	1947/8	17/8	BN 2936	CÁM 8B	1 900		1 900		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 1
3		KDT HÀ NỘI	10/8	1921/7	17/8	BN 2212	CÁM 8A	1 921		1 921		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 2
4		ĐTTM & DỊCH VỤ	4/8	1973/8	11/8	NĐ 3692	CÁM 8A	2 400		2 400		TD	
5		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	5/8	1980/8	12/8	HD 1818	CÁM 8A	1 981		1 981		TD	
6		CP XNK THAN	5/8	1979/8	12/8	HUỆ TÂN 168	CÁM 8A	1 700		1 700		TD	NGUỒN ĐN-CS Thay TBRT 1942/7
7		HÀNG HẢI VIỆT NAM	5/8	1977/8	12/8	BN 1486	CÁM 8A	1 600		1 600		TD	NGUỒN ĐN-CS
8		CBT QUẢNG NINH	6/8	1993/8	13/8	QN 8759	CÁM 8B	1 700		1 700		TD	NGUỒN ĐN-CS

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 12 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
9		THAN MIỀN NAM	7/8	1997/8	14/8	AN THÀNH 68	CÁM 8A	800		800		TD	Thay TBRT 1992/8
							CỤC XÔ 1B	1 000		1 000		TD	
10		DVVT QUẢNG NINH	11/8	1937/7	18/8	BN 2139	CỤC XÔ 1A	1 050		1 050		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 2
11		SÔNG HỒNG - TCT ĐÔNG BẮC	11/8	1903/7	18/8	QN 8547	CÁM 8A	996		996		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 2
12		XNK ANH KHOA	11/8	1936/7	18/8	BN 2267	CỤC XÔ 1B	1 250		1 250		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 2
13		CROMIT CỔ ĐỊNH THANH HÓA	11/8	1925/7	18/8	HD 2266	CÁM 8A	1 979		1 979		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 2
14		KDT HÀ NỘI	11/8	1922/7	18/8	BN 0988	CỤC XÔ 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS GIA HẠN LẦN 2
15		XDCN MỎ - TC ĐÔNG BẮC	11/8	2022/8	18/8	BN 2969	CỤC XÔ 1B	1 300		1 300		TD	NGUỒN ĐN-CS
16		CP XNK THAN	11/8	2023/8	18/8	TIẾN THỊNH 09	CÁM 8A	1 700		1 700		TD	NGUỒN ĐN-CS
17		VT & KDT	11/8	2033/8	18/8	BN 1336	CỤC XÔ 1A	1 000		1 000		TD	NGUỒN ĐN-CS
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							-	-	-			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày												
	Tàu đã làm lệnh												
IV	**KHO CẢNG KM6**							**22 435**	**10 777**	**11 658**			
	Tàu đã làm hàng							***10 338***	***10 253***	***85***			
1		KDT MIỀN BẮC	9/8	2017/8	19/8	THANH BÌNH 18	CÁM 6A.1	1 080	1 079	1	11/8	PTCB	
							CÁM 6B.1	1 120	1 119	1			
2		KDT MIỀN BẮC	9/8	2013/8	19/8	BN 1988	CÁM 6B.1	1 400	1 399	1	11/8	PTCB	
3		KDT MIỀN BẮC	9/8	2012/8	19/8	HP 6068	CÁM 6A.1	5 538	5 520	18	11/8	PTCB	
4		TẬP ĐOÀN THÁI SƠN HP	7/8	2003/8	14/8	HP 7227	CỤC DON 8A	1 200	1 135	65	11/8	TD	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***6 900***	***524***	***6 376***			
1		CP XNK THAN	9/8	2016/8	19/8	HOÀNG ANH 68	CÁM 6A.1	4 000		4 000		PTCB	
2		KDT HẢI PHÒNG	11/8	2032/8	21/8	HP 5686	CÁM 5B.1	1 850		1 850		PTCB	
3		CPVT THỦY	11/8	2027/8	18/8	HP 6739	BÙN 3C	1 050	524	526	RÓT DỞ	TD	NGUỒN QUANG HANH

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 12 THÁNG 8 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
	Tàu đã làm lệnh							***5 197***		***5 197***			
1		KHO VẬN ĐÁ BẠC	11/8	2029/8	21/8	VIỆT NHẬT 18	CÁM 6A.1	2 461		2 461		CHUYỂN VÙNG	
2		KHO VẬN ĐÁ BẠC	11/8	2030/8	21/8	VIỆT NHẬT 19	CÁM 6A.1	2 736		2 736		CHUYỂN VÙNG	
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**18 300**	-	**18 300**			
	Tàu đã làm hàng												
	Tàu dự kiến rót trong ngày												
	Tàu đã làm lệnh							***18 300***		***18 300***			
1		INDONESIA	7/8	5589		MV HUI FENG HAI 16	CỤC 5B.2	15 000		15 000			
2		NHẬT BẢN	11/8	5641		MV YONG SHENG II	CỤC 4A.1	3 300		3 300			
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**25 000**	**24 168**	**832**			
	Tàu đã làm hàng							***25 000***	***24 168***	***832***			
1		ÚC	27/7	5310		MV LADY ANNE	Than nhiệt xuất xứ từ Úc	20 000	19 503	497	10/8		TTCO: 9.755,36 KVCP: 9.748
2		LÀO	5/8	5 545		VIỆT THUẬN 215-06	Than Anthracite Lào	5 000	4 664	336	11/8		TTCO: 4.664,34
	Tàu dự kiến rót trong ngày												
	Tàu đã làm lệnh												